PHIẾU CUỐI TUẦN 8

Bài 1: Điền số thích hợp vào ô trống để hoàn thành bảng trừ sau:

BẢNG TRỪ TRONG PHẠM VI 20

11 - 2 = ...							
..... - 3 = 8	12 - 3 = ...						
11- 4 = ...	12 - 4 = ...	13 - 4 = ...					
11 - 5 = ...	12 - .... = 7	13 - 5 = ...	14 – 5 = ...				
11 - ..... = 5	12 - .... = 6	13 - 6 = ...	14 - .... = 6	15 - .... = 9			
.....- 7 = 4	12 - .....= 5	13 - 7 = ...	14 - 7 = ...	15 - 7 = ...	16 - 7 = ...		
.....- 8 = 3	.... - 8 = 4	13 - 8 = ...	14 – 8 = ...	15 – 8 = ...	16 – 8 = ...	17 - 8 = ...	
11 - 9 = ...	.... - 9 = 3	13 - 9 = ...	14 – 9 = ...	15 - 9 = ...	16 – 9= ...	17 – 9 =...	18 - 9 =.....

Bài 2: Tính:

15 – 4 + 7 =.....	16 - 8 + 8 =.....	2 + 2 + 8 =.....
12 – 3 + 8 =.....	12 – 5 + 6 =.....	9 – 5 + 9 =.....
5 + 7 - 3=.....	14 - 7 + 7 =.....	3 + 4 + 7 =.....

Bài 3: Nối mỗi phép tính với kết quả của phép tính đó:

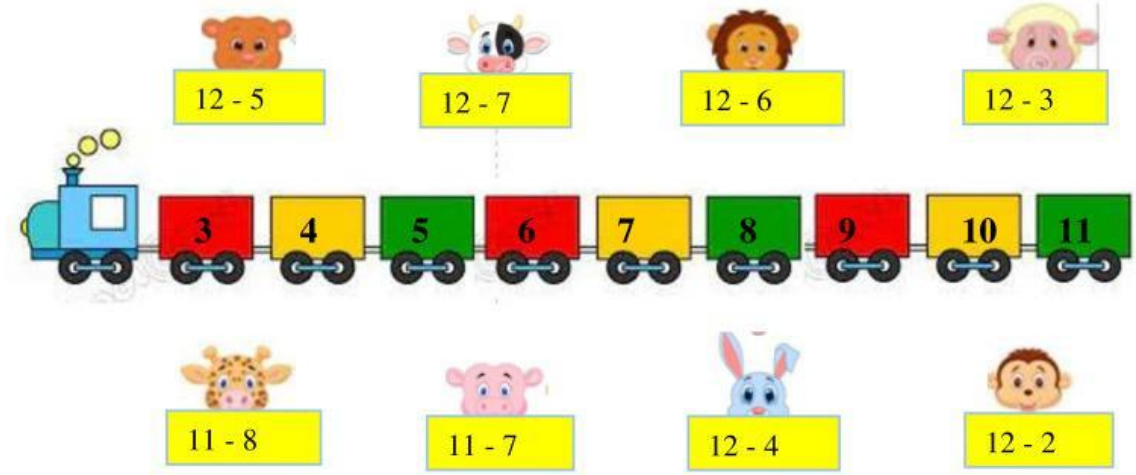

LIVEWORKSHEETS

Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S

12 - 4 < 12 -5 ☐

11 - 5 < 13 - 5 ☐

4 + 8 - 3 = 4 - 3 + 8 ☐

12 – 4 + 4 = 12 - 8 ☐

Bài 5: Mẹ đưa cho Lan 15 cây hoa hồng và cúc để trồng trong vườn. Biết Lan đếm được 8 cây hoa cúc, hỏi có bao nhiêu cây hoa hồng?

Phép tính : ☐ ○ ☐ = ☐

Trả lời: Có ☐ cây hoa hồng.

Bài 5: Số?

12 —– 3 → ○ —– 6 → ☐

10 —+ 3 → ○ —– 6 → ☐

12 —– 9 → ○

13 —– 8 → ○ —+ 9 → ○

Bài 6: Một cửa hàng đồ chơi có 13 con búp bê. Cửa hàng đã bán 9 con búp bê. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu con búp bê?

Phép tính : ☐ ○ ☐ = ☐

Trả lời: Cửa hàng còn lại ☐ con búp bê.

Bài 7*: Tính giá trị của mỗi ô vuông, ô tròn, và ô tam giác.

○ + ○ **= 16**

☐ + ☐ **= 12**

○ ☐ △

LIVEWORKSHEETS